TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM -PT
Ngày: 03/5/2019.
V/v: tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Khôi.
Các thẩm phán: - Ông Đinh Huy Lưỡng.
- Ông Nguyễn Tử Lượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Lan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2018/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2018/KDTM-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2019/QĐPT-KDTM ngày 01 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên toà số 01/2019/QĐPT-KDTM ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty số 4.
Địa chỉ: Đường H, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Hải T, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Xuân S, sinh năm 1979, văn bản uỷ quyền ngày 26/2/2019.
Địa chỉ: Số 27, ngách 39, ngõ 250, đường Kim Giang, tổ 27, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.
2. Bị đơn: Công ty cổ phần cảng N (chuyển đổi từ Công ty V).
Địa chỉ: đường H, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Mạnh H, chức vụ: Chủ tịch HĐQT.
Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Minh H, Địa chỉ: số 36A, Nguyễn Lương B, Ô Chợ Dừa, quận Đ, Thành phố Hà Nội và Bà Dương Thị T, Địa chỉ: Số 8, ngách 25/245, đường Nguyễn Công T, phố N, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Văn bản uỷ quyền ngày 26/9/2018.
3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh H.

Địa chỉ: Phòng 312, nhà K5, đô thị Việt H, phường Giang B, quận L, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa: Có mặt ông Nguyễn Xuân S, bà Nguyễn Thị Minh H, ông Nguyễn Thanh H. Vắng mặt ông Dương Hải T, ông Nguyễn Mạnh H, bà Dương Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn trình bày: Ngày 21/2/2012 Công ty số 4 (và Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng N giao kết hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT với nội dung: Đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4 nhận thực hiện công tác " Điều tiết, khống chế, đảm bảo giao thông đường thủy khu vực thi công xây dựng cầu đường bộ thị cầu sửa chữa, gia cố, cải tạo cầu Thị Cầu", giá trị hợp đồng 3.800.000.000đồng; Ngày 7/11/2012 hai bên giao kết phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ với nội dung điều chỉnh hợp đồng lên 7.563.614.000 đồng (bảy tỷ năm trăm sáu mươi ba triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng chẵn); Ngày 31/10/2013 hai bên giao kết phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ về việc điều chỉnh giá trị hợp đồng lên 8.728.152.000 đồng (tám tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn) (đã bao gồm thuế VAT). Quá trình thực hiện hợp đồng đoạn quản lý đường thủy nội địa số 4 thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng cũng như phụ lục hợp đồng mà hai bên ký kết. Ngày 30/6/2014 hai bên đối chiếu, xác nhận công nợ phía Chi nhánh công ty N còn nợ Đoạn số 4 số tiền là 3.620.138.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn). Sau khi đối chiếu công nợ Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng N và Công ty cổ phần Cảng N không trả nợ, nay Công ty số 4 yêu cầu Công ty cổ phần Cảng N trả nợ số tiền 3.620.138.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng chẵn) và lãi suất tính từ ngày 02/02/2017 (ngày 6/1/2017 tiền chủ đầu tư trả hết cho Công ty cổ phần Cảng N) đến ngày xét xử với lãi suất 7,5%/ năm và tiếp tục trả lãi với mức lãi suất 7,5%/ năm cho đến khi trả hết nợ.

* Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh H và bà Dương Thị T trong các bản khai và tại phiên tòa trình bày: Giấy ủy quyền số 400 ngày 19/12/2011 của Công ty cổ phần Cảng N chỉ ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh H ký kết hợp đồng với Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1 không ủy quyền cho ông H ký hợp đồng với các nhà thầu phụ. Việc ông H ký hợp đồng kinh tế số 02 ngày 21/2/2012 và hai phụ lục hợp đồng với Công ty số 4 không được ủy quyền của Công ty cổ phần Cảng N là sai ông H tự giải quyết Công ty không chịu trách nhiệm với hợp đồng này. Việc Công ty số 4 và ông Nguyễn Thanh H thi công phải có chứng từ hợp pháp công ty mới có trách nhiệm thanh toán (Phải có biên bản nghiệm thu có chữ ký của bên tư vấn giám sát). Về báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cảng N khi Công ty có nhiều Chi nhánh: Theo cách quản lý trước đây của nhà

nước báo cáo tài chính của công ty mang tính tổng hợp, không chi tiết có phân cấp phân quyền. Để biết báo cáo đúng hay sai thi đoàn thanh tra kiểm toán khi phát hiện sai phạm thì phải xuất toán, chi nhánh chịu trách nhiệm. Báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm của Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng N cung cấp cho Công ty cổ phần Cảng N để công ty tổng hợp vào báo cáo tài chính của công ty. Báo cáo tài chính của Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng N gửi lên Công ty cổ phần Cảng N không có chi tiết không có biên bản nghiệm thu.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Thanh H là trình bày: Tại văn bản ủy quyền số 400 ngày 19/12/2011 của Công ty cổ phần Cảng N, Công ty cổ phần Cảng N đã ký hợp đồng số 16 ngày 23/12/2011 với Ban quản lý đường sắt khu vực 1 để thi công Cầu Thị Cầu. Do yêu cầu tiến độ thi công Công ty cổ phần Cảng N đã ký hợp đồng số 02 ngày 21/2/2012 với Công ty số 4, ngày 7/11/2012 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 01; ngày 31/10/2013 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 02. Khối lượng công trình Cầu đường bộ Thị Cầu và sửa chữa Cầu Thị Cầu là 12.366.879.000 đồng đến ngày 30/6/2014 hai bên đối chiếu công nợ Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N thi công khối lượng có giá trị là 8.728.152.000 đồng (tám tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn). Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1 đã chuyển trả cho Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N tính đến hết năm 2013(Năm nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng) là:

Lần 1: ngày 31/8/2012 chuyển trả nợ 1.900.000 đồng (Một triệu chín trăm nghìn đồng) thể hiện trong báo cáo tài chính của mã số 131 báo cáo B01- DN năm 2012.

Lần 2: Ngày 01/7/2013 chuyển 2.289.100.000 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi chín triệu một trăm nghìn đồng chẵn) trong báo cáo tài chính mã số 131 báo cáo tài chính năm 2013.

Lần 3: Ngày 18/10/2013 chuyển khác 5.033.379.000 đồng (Năm tỷ không trăm ba mươi ba triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng) trong báo cáo tài chính mã số 131 báo cáo tài chính năm 2013.

Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng N đã chi trả cho Công ty số 4 là bốn lần cụ thể:

Lần 1: Ngày 27/12/2012 chi trả 950.000.000 đồng (Chín trăm năm mươi triệu đồng chẵn) mã số 312 báo cáo BO1-DN năm 2012.

Lần 2: Ngày 29/7/2013 chi trả 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn) mã số 312 báo cáo BO1-DN năm 2013.

Lần 3: Ngày 8/8/2013 chi trả 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng chẵn) mã số 312 báo cáo BO1-DN năm 2013.

Lần 4: Ngày 14/10/2013 chi trả 2.050.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm năm mươi triệu đồng chẵn) mã số 312 báo cáo BO1-DN năm 2013.

Nhiều lần Công ty số 4 làm văn bản lên Công ty cổ phần cảng N đề nghị trả nợ cho Công ty số 4 nhưng không được đáp ứng đến ngày 6/1/2017 Ban quản lý đường sắt khu vực 1 đã chuyển trả hết nợ công trình Cầu đường bộ Thị Cầu là:

12.366.879.000 đồng trong đó có 3.620.138.000 đồng của công trình Cầu Thị Cầu mà Công ty số 4 thi công và chưa được trả nợ.

Việc ký hợp đồng với nhà thầu phụ Chi nhánh đã báo cáo Công ty và trong báo cáo tài chính năm 2012 và năm 2013 toàn bộ số tiền Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1 chi trả cho Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng N và Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N chi trả cho Công ty số 4 thể hiện trong báo cáo tài chính năm 2012 và năm 2013 và được Công ty cổ phần cảng N tổng hợp vào báo cáo tài chính của Công ty cổ phần cảng N.

Công trình cầu Thị Cầu cả Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N thi công và Công ty số 4 thi công nên khi nghiệm thu khối lượng hoàn thành của Công ty số 4 thành phần không có tư vấn giám sát. Tư vấn giám sát tham gia nghiệm thu giai đoạn sau khi có sự tham gia của chủ đầu tư là Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1 (nghiệm thu toàn bộ khối lượng của Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N và Công ty số 4). Hồ sơ quyết toán công trình Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N đã bàn giao cho Công ty cổ phần cảng N ba bộ hồ sơ chủ dự án là Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1 lưu trữ. Năm 2013 công trình hoàn thành đưa vào sử dụng các chứng từ quyết toán đã được lưu trữ.

Tại bản án số 06/2018/KDTM-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình đã căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 106, 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 89 Bộ luật dân sự; Các Điều 74,75,78, 82, 85, 83, 86, 87 và án lệ số 09/2016/AL của Tòa án nhân dân Tối cao; Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết số 04/2003/NQ-HĐTP ngày 27/5/2003 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty số 4 đối với Công ty cổ phần cảng N.

1. Buộc Công ty cổ phần cảng N trả cho Công ty số 4 số tiền là: 4.062.850.000 đồng (Bốn tỷ không trăm sáu mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Trong đó nợ gốc là: 3.620.138.000 đồng(Ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng), nợ lãi là: 442.712.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày 19/9/2018 Công ty cổ phần cảng N còn phải trả nợ lãi cho Công ty số 4 tiền lãi với mức lãi suất 7,5% /năm trên số nợ gốc là 3.620.138.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng) cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty cổ phần cảng N nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 112.062.000 đồng (Một trăm mười hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty số 4 là 52.200.000 đồng (năm mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000819 ngày 5/12/2017 của Chi cục Thi hành án thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/9/2018 Công ty cổ phần cảng N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 06/2018/KDTM-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình với lý do hợp đồng không có chữ ký của người có đủ thẩm quyền, không có sự uỷ quyền của người có đủ thẩm quyền nên không đảm bảo tính pháp lý; Hồ sơ thanh toán của nguyên đơn không đảm bảo điều kiện để thanh toán theo quy định của pháp luật đối với nhà thầu phụ.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Minh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị trả cho nguyên đơn 60% khoản tiền nợ gốc, nếu không đồng ý thì ông Nguyễn Thanh H phải có thanh toán cho nguyên đơn và bị đơn sẽ thanh toán lại cho ông H khi ông H cung cấp đầy đủ hồ sơ thanh toán theo quy định.

Ông Nguyễn Xuân S có quan điểm: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không nhất trí với quan điểm thanh toán 60% khoản nợ gốc như quan điểm của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh H có quan điểm: Không chấp nhận ý kiến của bà H, đề nghị toà cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội: Bác yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần cảng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2018/KDTM-ST ngày 18/9/2018 của Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần cảng N phải nộp 2.000.000đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình về đường lối giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần cảng N nằm trong hạn luật định, đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần cảng N, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ hợp đồng kinh tế số 16/2011/HĐKT ngày 23/12/2011 giữa Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1 (bên A) và Công ty N (bên B) (Nay là Công ty cổ phần cảng N) về việc đảm bảo giao thông đường thuỷ: Xây dựng mới 2 cầu đường bộ Tam Bạc và Thị Cầu; Sửa chữa gia cố cải tạo 2 cầu chung (Tam Bạc và Thị cầu) thuộc công trình xây dựng mới 3 cầu theo lệnh khẩn cấp: Đồng Nai, Tam Bạc, Thị Cầu. Khi ký hợp đồng bên B người nhận uỷ quyền là ông Nguyễn Thanh H, giám đốc Chi nhánh Công ty N cùng ký hợp đồng (theo giấy uỷ quyền số 400/UQ-HĐKT ngày 19/12/2011 của Tổng giám đốc Công ty N).

Ngày 21/02/2012 Chi nhánh Công ty N, người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thanh H có ký hợp đồng kinh tế số 02/HĐKT với Đoạn quản lý số 4 (nay là Công ty số 4) về việc Điều tiết khống chế đảm bảo an toàn giao thông đường thuỷ khu vực thi công xây dựng mới cầu đường bộ Thị Cầu, sửa chữa gia cố cải tạo cầu Thị Cầu. Giá trị hợp đồng là 3,8 tỷ đồng; Ngày 7/12/2012 hai bên ký phụ lục hợp đồng số 01 điều chỉnh hợp đồng lên 7.567.614.000đ; Ngày 31/10/2013 hai bên ký phụ lục hợp đồng lên 8.728.152.000đ đã bao gồm thuế VAT. Quá trình thực hiện hợp đồng Đoạn quản lý số 4 đã thực hiện đúng theo hợp đồng và công trình đã được nghiệm thu đưa vào hoạt động từ năm 2013. Số tiền Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1 chuyển cho Chi nhánh Công ty N 3 lần với tổng số tiền là 9.222.479.000đồng, Chi nhánh đã chuyển trả cho nguyên đơn 4 lần với tổng số tiền là 5.000.000.000đồng, ngày 30/6/2014 hai bên đối chiếu công nợ phía Chi nhánh Công ty N còn nợ Đoạn quản lý số 4 số tiền là 3.620.138.000đ.

Chi nhánh Công ty N được thành lập theo Giấy CNĐKKD số 0116001059 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13/11/2008, là người được uỷ quyền của Công ty cổ phần cảng N thực hiện hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Ban quản lý dự án đường sắt 1 và Công ty cổ phần cảng N, tại Điều 1.5 của hợp đồng HĐKT số 16/2011/HĐKT có ghi định nghĩa nhà thầu phụ là nhà thầu ký hợp đồng với bên B để thực hiện 1 phần công việc của bên B và được Đường sắt Việt Nam ra văn bản số 547/ĐS-DAAT ngày 29/3/2012 về việc bổ sung nhà thầu phụ là Đoạn quản lý số 4 được tham gia thi công đảm bảo an toàn giao thông đường thuỷ công trình cầu thị Cầu, do vậy việc ký kết hợp đồng kinh tế giữa Chi nhánh công ty cổ phần cảng N với Công ty số 4 để thực hiện một phần trong công trình ký kết với Ban quản lý dự án đường sắt khu vực 1là đúng pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty số 4 đã thực hiện đúng theo hợp đồng và công trình đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng, phía Ban quản lý dự án đường sắt 1 cũng đã trả hết số tiền theo hợp đồng cho Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N, do vậy Công ty cổ phần cảng N phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty số 4, theo quy định tại Điều 45 Luật doanh nghiệp quy định: " Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo uỷ quyền..."; cũng tại khoản 6 Điều 84 Bộ luật dân sự quy định: " Pháp nhân có quyền, nghĩa vụ

dân sự phát sinh từ giao dịch dân sự do chi nhánh xác lập, thực hiện". Toàn bộ việc ký kết hợp đồng, thanh toán, đối chiếu công nợ giữa Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N với Công ty số 4 đều được Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N báo cáo với Công ty cổ phần cảng N và trong báo cáo tài chính năm 2012, 2013 số tiền chuyển đến chuyển trả đều được thể hiện được tổng hợp vào báo cáo tài chính của Công ty cổ phần cảng N. Cục thuế tỉnh Ninh bình đã cung cấp cho Toà án báo cáo tài chính Công ty cổ phần cảng N từ các năm 2012 đến năm 2017. Ông Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cảng N đã chấp thuận báo cáo tài chính Công ty cổ phần cảng N các năm 2012, 2013, 2014 do Cục thuế tỉnh cung cấp cho Toà án. Do vậy toà án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty số 4 đối với bị đơn là Công ty cổ phần cảng N là đúng.

Về số tiền mà Công ty cổ phần cảng N còn phải thanh toán: Căn cứ vào biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/6/2014 giữa Công ty số 4 và Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N, hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi ký hợp đồng phía Công ty số 4 đã thực hiện công việc theo đúng hợp đồng, công trình đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng, Công ty số 4 đã cùng Chi nhánh công ty cổ phần cảng N ký hồ sơ thanh toán lần 1, lần 2 kèm theo (bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng để nghiệm thu thanh toán, biên bản nghiệm thu hoàn thành giai đoạn thi công và biểu chi tiết nghiệm thu khối lượng hoàn thành), số tiền mà Ban quản lý dự án đường sắt 1 đã chuyển trả đầy đủ cho Chi nhánh công ty cổ phần cảng N trong đó có khoản tiền mà Chi nhánh công ty cổ phần cảng N còn nợ Công ty số 4 nên Công ty cổ phần cảng N phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số 4 số tiền gốc còn thiếu theo đúng biên bản đối chiếu công nợ là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về số tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của Công ty số 4 với theo mức lãi xuất 7,5%/năm, thời gian kể từ sau ngày Ban quản lý dự án đường sắt 1 chuyển trả hết tiền cho Chi nhánh Công ty cổ phần cảng N (ngày 02/02/2017), số tiền là 442.712.000 đồng là có căn cứ đúng theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại nên được Toà cấp sơ thẩm chấp nhận là đúng.

Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy Toà án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng, đầy đủ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ra bản án đúng pháp luật, tại phiên toà hôm nay Công ty cổ phần cảng N không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần cảng N; Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty cổ phần cảng N phải chịu số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần cảng N.

Xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 06/2018/KDTM-ST ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

1. Buộc Công ty cổ phần cảng N trả cho Công ty số 4 số tiền là: 4.062.850.000 đồng (Bốn tỷ không trăm sáu mươi hai triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng chẵn). Trong đó nợ gốc là: 3.620.138.000 đồng(Ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng), nợ lãi là: 442.712.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày 19/9/2018 Công ty cổ phần cảng N còn phải trả nợ lãi cho Công ty số 4 tiền lãi với mức lãi suất 7,5% / năm trên số nợ gốc là 3.620.138.000 đồng (Ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng) cho đến khi thi hành xong.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Buộc Công ty cổ phần cảng N nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của số tiền là: 112.062.000 đồng (Một trăm mười hai triệu không trăm sáu mươi hai nghìn đồng chẵn).

- Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Công ty số 4 là 52.200.000 đồng (năm mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng chẵn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000819 ngày 5/12/2017 của chi cục Thi hành án thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần cảng N phải nộp số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000đ theo biên lai thu số AA/2018/0000935 ngày 02/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định thi hành án đ- ợc quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án đ- ợc quy định tại các Điều 6, 7 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 5 năm 2019.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Cục Thi hành án DS tỉnh NB;
-TAND tp N;
-Chi cục THADS tp N;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Khôi